

Bản án số: **43/2020/HS-PT**.
Ngày: 19-6-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu
Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng
Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLPT-HS ngày 24-3-2020 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 19-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn T; Sinh năm: 1991; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Th (Lê Minh Th) và bà Bùi Thị C; Có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 người con, lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-11-2019. (có mặt)

- Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo Đinh Kim Q, Lê Văn V, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1, NLQ2, NLQ3; Người làm chứng NLC1, NLC2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 03-8-2019, lực lượng Công an huyện M kết hợp Công an xã M bắt quả tang tụ điểm đánh bạc ăn tiền tại căn nhà hoang của gia đình ông Bùi Văn T tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, lúc bắt có 04 đối tượng là Đinh Kim L, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H và Lê Văn V đang trực tiếp đánh bạc được ăn thua bằng tiền với hình thức chơi bài binh 06 lá và 02 đối tượng ngồi xem, không tham gia là NLC2 và NLC1. Địa điểm đánh bạc là do Lê Văn T sắp xếp chỉ chỗ, mở cửa, chuẩn bị đèn, bình chiếu sáng và cung cấp bài, đồng thời dùng xuống máy đưa rước những người đánh bạc, mục đích để họ cho tiền tiêu xài cá nhân.

* Tang vật thu được gồm:

- Tiền Việt Nam: 6.450.000 đồng, thu tại chiếu bạc;
- Tiền Việt Nam: 230.000 đồng, thu xung quanh chiếu bạc;
- 12 (mười hai) bộ bài tây đựng trong hộp màu đỏ chưa qua sử dụng;
- 02 (hai) chiếc chiếu cũ dùng để trải ngồi đánh bài;
- 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai loại 12 Vol;
- 01 (một) bóng đèn màu trắng;
- 01 (một) đoạn dây điện để thắp sáng bóng đèn;
- 02 (hai) kẹp bình bằng kim loại.

* Qua kiểm tra trên người của các đối tượng thu giữ các đồ vật sau:

- Tạm giữ của Đinh Kim L 1.350.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động cũ hiệu Nokia, màu đen có sim 0399547439;
- Tạm giữ của Nguyễn Văn Đ 40.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động cũ hiệu Itet, màu đen có sim số 0377447046;
- Tạm giữ của Lê Văn V 13.980.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động cũ hiệu Samsung J4, màu đen có sim số 0333215144;
- Tạm giữ của NLC2 7.900.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động cũ hiệu OPPO có sim số 0868171457.

Trong quá trình điều tra các đối tượng nêu trên khai như sau: Việc đánh bạc là do các đối tượng tự liên hệ với nhau, không có ai đứng ra tổ chức hay lấy tiền xâu nhưng địa điểm do Lê Văn T sắp xếp chỉ chỗ căn nhà hoang (vì nhà T ở gần nên biết rõ chủ nhà đã bỏ đi vắng), Trọng mở cửa, chuẩn bị đèn, bình chiếu sáng và cung cấp bài, đồng thời dùng xuống máy đưa rước những người tham gia đánh bạc; lúc lực lượng Công an bắt chỉ có 04 người trực tiếp tham gia đánh bạc gồm: Đinh Kim L, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H và Lê Văn V, chơi bài binh 06 lá, với hình thức làm cái xoay vòng và đặt mỗi tụ từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Ván cuối cùng khi bị bắt thì Trần Văn H đang thủ cái còn lại Đinh Kim L, Nguyễn Văn Đ và Lê Văn V đang đặt tiền. Số tiền thu trên chiếu bạc là 6.450.000 đồng là tiền đang đặt trên chiếu bạc và tiền thắng thua của những người cùng tham gia đánh bạc bỏ lại, trong đó có tiền của Đinh Kim L,

Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H và Lê Văn V và có khoảng 04 người đến 05 người tham gia đánh bạc với hình thức thanh, kẻ đã bỏ chạy không bắt được và cũng không xác định được họ tên, địa chỉ nơi cư trú.

- Bị cáo Đinh Kim L khai khi đi mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc và đã tham gia đặt 09 ván, thủ cái 01 ván, thắng được 400.000 đồng, ván cuối cùng bị cáo đặt 50.000 đồng chưa xác định được thắng hay thua thì bị bắt;

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai khi đi mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc và đã tham gia đặt 10 ván, thủ cái 02 ván, chưa xác định được thắng hay thua, tiền thua còn đập dưới chân thì bị bắt, ván cuối cùng bị cáo đặt 100.000 đồng chưa xác định được thắng hay thua thì bị bắt;

- Bị cáo Trần Văn H khai khi đi mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc và đã tham gia đánh bạc khoảng 05 ván, ván cuối cùng thủ cái, lúc Công an bắt bị cáo bỏ chạy, để lại toàn bộ số tiền trên chiếu bạc nên không xác định được đã thắng hay thua số tiền bao nhiêu;

- Bị cáo Lê Văn V khai khi đi mang theo số tiền 14.080.000 đồng để đánh bạc và đã tham gia đánh bạc là 2.080.000 đồng, số tiền còn lại là 12.000.000 đồng do mẹ của bị cáo là NLQ3 nhờ bị cáo đi gom tiền hụi nhưng bị cáo chưa giao tiền lại cho bà Ní. Bị cáo mới đặt 03 ván, mỗi ván 100.000 đồng và ván cuối cùng đang đặt 100.000 đồng thì bị bắt.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 19-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Kim Q, Lê Văn V, Lê Văn T, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Kim Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn V 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP, ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 19-02-2020).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 19-02-2020).

- Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục. Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú mới phải trình báo, cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định pháp luật.

* Ngày 24-02-2020, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Lê Văn T 03 tháng tù và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Trọng hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 24-02-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và án treo của bị cáo.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Lê Văn T yêu cầu ông Huỳnh Văn Vũ bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên phúc thẩm bị cáo trình bày bị cáo không còn yêu cầu ông Huỳnh Văn V bào chữa cho bị cáo nên ông Huỳnh Văn V vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thay đổi này của bị cáo và quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T khai nhận, khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 03-8-2019, tại căn nhà hoang của gia đình ông Bùi Văn Trọng tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, lực lượng Công an huyện M kết hợp Công an xã Mỹ Phước 04 đối tượng là Đinh Kim L, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H và Lê Văn V đang trực tiếp đánh bạc được ăn thua bằng tiền với hình thức chơi bài binh 06 lá và 02 đối tượng ngồi xem, không tham gia là NLC2 và NLC1. Địa điểm đánh bạc là do bị cáo Lê Văn T sắp xếp chỉ chỗ, mở cửa, chuẩn bị đèn, bình chiếu sáng và cung cấp bài, đồng thời dùng xuống máy đưa rước những người đánh bạc, mục đích để họ cho tiền tiêu xài cá nhân. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, bị cáo Lê Văn T không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo là người chuẩn bị địa điểm, bài, bóng đèn chiếu sáng, bình ắc quy và chuẩn bị xuống máy để vận chuyển các bị cáo khác vào địa điểm đánh bạc, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP, ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận và xử phạt bị cáo Lê Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự với vai trò là đồng phạm, là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T: Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Trọng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo; không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có bác ruột là liệt sỹ và có cha ruột là người có công cách mạng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng cho bị cáo. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trọng: Bị cáo Trọng bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, hiện nay tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện M nói riêng diễn ra ngày càng phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo Trọng sẽ ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về việc xin được hưởng án treo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trọng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 19-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đối với bị cáo Lê Văn T.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện M; (02 bản)
- VKSND huyện M; (01 bản)
- CQĐT - Công an huyện M; (01 bản)
- CQTHAHS-Công an huyện M; (01 bản)
- Chi cục THADS huyện M (01 bản);
- Bị cáo; (01 bản)
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Sơ Tư pháp; (01 bản); - Lưu (04 bản)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thành Hữu